

Bản án số: **74/2022/HS-PT**
Ngày: 29/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2022/TLPT-HS ngày 10/6/2022 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H), Trịnh Thanh L (tên gọi khác: Xì T), Nguyễn Quốc K (tên gọi khác: Q), Nguyễn Văn TR, Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Đ), Võ Văn M, Phan Trung T, Lê Thanh T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H), sinh năm 1970; Nơi sinh: Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: Khóm C, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H; Có vợ tên Lê Thị T, sinh năm 1972 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 12/10/2009, bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với tổng số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 15/06/2010, bị Công an tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức, rủ rê lôi kéo và dùng địa điểm của người khác để tổ chức đánh bạc với số tiền 22.500.000 đồng. Các lần bị xử phạt vi phạm hành chính này đã chấp hành nộp phạt xong và hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (bị cáo có mặt)

2. **Trịnh Thanh L** (tên gọi khác: Xì T), sinh năm 1981; Nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: Ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị Q; Có vợ tên Phan Thị Hồng D, sinh năm 1984 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (bị cáo có mặt)

3. **Nguyễn Quốc K** (tên gọi khác: Q), sinh năm 1985; Nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm C, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn A và bà Cao Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 13/8/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm và tuyên phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (vắng mặt)

4. **Nguyễn Văn TR**, sinh ngày 01/01/1968; Nơi sinh: Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Đoàn Thị B; Có vợ tên Văn Ngọc M, sinh năm 1972 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 20/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện L Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử và tuyên phạt số tiền 10.000.000 đồng về tội đánh bạc, đã chấp hành xong và được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (vắng mặt)

5. **Nguyễn Văn H1** (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1973; Nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu G và bà Lê Thị C; Có vợ tên Ung Thị N, sinh năm 1971 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: không; Tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 15/8/2019, bị Công an huyện M xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, đã chấp hành nộp phạt xong và hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (vắng mặt)

6. **Võ Văn M**, sinh năm 1958; Nơi sinh: N, Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm C, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn K và bà Lê Thị M; Có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền

án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (vắng mặt)

7. **Phan Trung T**, sinh ngày 30/11/1995; Nơi sinh: N, Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T và bà Huỳnh Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (bị cáo có mặt)

8. **Lê Thanh T1**, sinh năm 1979; Nơi sinh: L, Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; Có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1980 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. (bị cáo có mặt)

- Những người không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị cáo Huỳnh Nhựt H2, Trần Tuấn K, Mai Quốc Thành H3; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn H4, Đinh Văn N, Nguyễn Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 00 ngày 01 tháng 05 năm 2021, lực lượng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng kết hợp lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện M đến nơi ở của Nguyễn Văn H tại địa điểm kinh doanh Nhà nghỉ - Karaoke, Massgae Phương U - Đình K thuộc ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để kiểm tra thì phát hiện Nguyễn Văn H đang tổ chức cho nhiều người tham gia đá gà thắng thua bằng tiền. Qua kiểm tra đã thu giữ nhiều tang vật có liên quan và xác định có 13 đối tượng tham gia cá cược thắng thua bằng tiền, bao gồm: Huỳnh Nhựt H2, Lê Thanh T1, Võ Văn M, Trịnh Thanh L, Nguyễn Quốc K, Mai Quốc Thành H3, Phan Trung T, Trần Tuấn K, Nguyễn Văn TR, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Thanh P, Đinh Văn N. Kết quả điều tra đã xác định như sau:

- Nguyễn Văn H sử dụng cơ sở kinh doanh thuộc quyền quản lý của H tổ chức tụ điểm đá gà và cung cấp các dụng cụ phục vụ cho việc đá gà cho nhiều đối tượng tham gia cá cược thắng thua bằng tiền để thu lợi, đồng thời, H làm trọng tài phân định thắng thua mỗi trận gà và là người chốt mức tiền đá sỏ của mỗi trận gà đá.

- Tại trận gà bị bắt quả tang vào ngày 01-5-2021, Huỳnh Nhựt H2, Lê Thanh T1, Võ Văn M, Trịnh Thanh L, Nguyễn Quốc K, Mai Quốc Thành H3, Phan Trung T, Trần Tuấn K, Nguyễn Văn TR, Nguyễn Văn H1 tham gia cá cược bằng hình thức đá sỏ; còn Nguyễn Văn H4, Nguyễn Thanh P, Đinh Văn N

tham gia cá cược bằng hình thức đá hàng sáo. Các đối tượng đều khai nhận điểm đá gà là do Nguyễn Văn H tổ chức và chốt mức tiền đá sỏ chung của mỗi trận gà. Trong đó, Phan Trung T, Nguyễn Văn TR, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn H4, Võ Văn M khai mức tiền đá sỏ của trận gà bị bắt quả tang mỗi bên là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Trịnh Thanh L và Nguyễn Văn H1 khai mức tiền đá sỏ mỗi bên từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng; riêng Đinh Văn N khai mức tiền đá sỏ là 8.000.000 đồng.

- Qua kết quả điều tra, số tiền cá cược của trận gà bị bắt quả tang bao gồm: tiền cược đá sỏ bên con gà Điều đỏ là 9.000.000 đồng, trong đó: Trịnh Thanh L, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Quốc K và Nguyễn Văn TR tham gia cược mỗi đối tượng số tiền 2.000.000 đồng, Phan Trung T cược 1.000.000 đồng; số tiền cược đá sỏ bên gà Điều vàng là 1.800.000 đồng, trong đó: Võ Văn M và Lê Thanh T1 mỗi đối tượng cược 500.000 đồng, Huỳnh Nhựt H2 cược 400.000 đồng, Trần Tuấn K và Mai Quốc Thành H3 mỗi đối tượng cược 200.000 đồng. Ngoài ra, sau khi trận gà bắt đầu Nguyễn Văn H4 cá cược hàng sáo bên gà Điều vàng 500.000 đồng, Đinh Văn N tham gia cá cược hàng sáo bên gà Điều đỏ 500.000 đồng và Nguyễn Thanh P tham gia cá cược hàng sáo bên gà Điều vàng 200.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng tham gia đánh bạc chứng minh được là 12.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H (Mười H) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trịnh Thanh L (Xì T), Nguyễn Quốc K (Q), Nguyễn Văn TR, Nguyễn Văn H1 (Đ), Phan Trung T, Võ Văn M, Lê Thanh T1 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H (Mười H) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H) nộp số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trịnh Thanh L (Xì T) 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thanh L (Xì T) nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K (Quéo) 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quốc K (tên gọi khác: Q) nộp số tiền

10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn TR 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn TR nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Đ) 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H1 (Điền) nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phan Trung T 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Trung T nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Võ Văn M 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Văn M nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thanh T1 nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với bị cáo Huỳnh Nhựt H2, Trần Tuấn K, Mai Quốc Thành H3; về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 10/5/2022, các bị cáo Nguyễn Văn TR, Lê Thanh T1, Phan Trung T, Võ Văn M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo.

* Ngày 11/5/2022, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Thanh L, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn H1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo.

- Tại đơn kháng cáo: Bị cáo TR giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt tù đã tuyên là không quá 03 năm; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành K khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng; trước khi phạm tội luôn thực hiện tốt các quy định pháp luật, tuân thủ các quy định tại địa phương, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân; Hiện đang bị bệnh tim, tiểu đường, gan nhiễm mỡ, xương khớp, đồng thời sẽ tự cải tạo và sửa đổi thành người công dân tốt, tránh xa tệ nạn xã hội.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo T1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt tù đã tuyên là không quá 03 năm; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành K khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng; Là lao động chính, nuôi hai con còn nhỏ và chăm sóc vợ bị ung thư gan không lao động được nên xin được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt tù đã tuyên là không quá 03 năm; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành K khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng; Có nơi cư trú ổn định, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân.

- Tại đơn kháng cáo: Bị cáo M giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt tù đã tuyên là không quá 03 năm; tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành K khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng; Trước khi phạm tội luôn thực hiện tốt các quy định pháp luật, tuân thủ các quy định tại địa phương, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân; Hiện gia đình gặp khó khăn nhiều mặt như vợ bị bệnh tiểu đường và bị tai nạn gãy chân, con bị bứt tim.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt tù 01 năm 06 tháng là quá cao so với lỗi mà bị cáo gây ra; Có tiền sử bệnh nhồi máu não, huyết áp cao, tim mạch, đái tháo đường tuýp 2.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo L giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt 01 năm tù là quá cao so với lỗi của bị cáo gây ra; có tiền sử bệnh huyết áp, rối loạn chuyển hóa lipid máu, tăng men gan và tim mạch.

- Tại đơn kháng cáo: Bị cáo K giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt 01 năm tù là quá cao so với lỗi của bị cáo gây ra nên xin được hưởng án treo.

- Tại đơn kháng cáo: Bị cáo H1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo. Do hình phạt 09 tháng tù là quá cao so với lỗi của bị cáo gây ra nên xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn TR, Lê Thanh T1, Phan Trung T, Võ Văn M, Nguyễn Văn H, Trịnh Thanh L, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn H1 lập và nộp cho Tòa án nhân dân huyện M vào ngày 10/5/2022 và 11/5/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn TR, Nguyễn Văn H1 và Võ Văn M có kháng cáo nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ kết luận: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 01/5/2021, tại điểm kinh doanh Nhà nghỉ, karaoke, massage Phương U – Đình K thuộc ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng kết hợp với Công an huyện M tiến hành kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Văn H đang tổ chức cho Trịnh Thanh L, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn TR, Nguyễn Văn H1, Phan Trung T, Võ Văn M, Lê Thanh T1, Huỳnh Nhựt H2, Trần Tuấn K, Mai Quốc Thành H3 tham gia đá gà, cá cược ăn thua bằng tiền, với tổng số tiền cá cược là 12.000.000 đồng để thu lợi bất chính. Cụ thể, tiền cược đá sỏ bên gà Điều đỏ là 9.000.000 đồng, trong đó: Trịnh Thanh L, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Quốc K và Nguyễn Văn TR mỗi người tham gia cược sỏ tiền 2.000.000 đồng, Phan Trung T cược 1.000.000 đồng; Số tiền cược đá sỏ bên gà Điều vàng là 1.800.000 đồng, trong đó: Võ Văn M và Lê Thanh T1 mỗi người cược 500.000 đồng, Huỳnh Nhựt H2 cược 400.000 đồng, Trần Tuấn K và Mai Quốc Thành H3 mỗi người cược 200.000 đồng. Sau khi trận gà bắt đầu Nguyễn Văn H4 cá cược hàng sáo bên gà Điều vàng 500.000 đồng, Đình Văn N tham gia cá cược hàng sáo bên gà Điều đỏ 500.000 đồng và Nguyễn Thanh P tham gia cá cược hàng sáo bên gà Điều vàng 200.000 đồng. Nguyễn Văn H làm trọng tài, quy định tiền cược của mỗi trận gà phải gom chung bằng hình thức đá sỏ và cung cấp dụng cụ đá gà gồm: băng keo, cựa gà bằng kim loại, cân điện tử,... Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị

cáo Trịnh Thanh L, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Văn TR, Nguyễn Văn H1, Phan Trung T, Võ Văn M, Lê Thanh T1, Huỳnh Nhựt H2, Trần Tuấn K và Mai Quốc Thành H3 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng và có nhân thân xấu, trong các năm 2009, 2010 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức đánh bạc, đã chấp hành nộp phạt xong và hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H về việc xin hưởng án treo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Thanh L về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 01 năm tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng có chiều hướng gia tăng trên địa bàn nên cần phải xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội mới đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L về việc xin hưởng án treo.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc K về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 01 năm tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng và có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Do bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là người phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” nên theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo thuộc trường hợp không cho

hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K về việc xin hưởng án treo.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H1 về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng và có nhân thân xấu, trong năm 2019 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã chấp hành nộp phạt xong và hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng có chiều hướng gia tăng trên địa bàn, nên cần phải xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội mới đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1 về việc xin hưởng án treo.

[8] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn TR về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng và có nhân thân xấu, trong năm 2007 đã bị Tòa án nhân dân huyện L Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử và tuyên phạt số tiền 10.000.000 đồng về tội đánh bạc, đã chấp hành xong và được xóa án tích. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo TR giao nộp cho Tòa án Biên lai thu tiền số 0002205 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng về việc thu đảm bảo thi hành án theo Bản án số 10/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng số tiền 10.200.000 đồng đối với khoản tiền nộp phạt bổ sung và án phí sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo TR về việc xin hưởng án treo.

[9] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T1 về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng có chiều hướng gia tăng trên địa bàn, nên cần phải xử lý nghiêm minh đối

với người phạm tội mới đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1 về việc xin hưởng án treo.

[10] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Trung T về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng có chiều hướng gia tăng trên địa bàn, nên cần phải xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội mới đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T về việc xin hưởng án treo.

[11] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Văn M về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù; cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo M giao nộp cho Tòa án Biên lai thu tiền số 0002206 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng về việc thu đảm bảo thi hành án theo Bản án số 10/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng số tiền 10.200.000 đồng đối với khoản tiền nộp phạt bổ sung và án phí sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng có chiều hướng gia tăng trên địa bàn, nên cần phải xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội mới đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M về việc xin hưởng án treo.

[12] Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[13] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm nên các bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H), Trịnh Thanh L (tên gọi khác: Xì T), Nguyễn Quốc K (tên gọi khác: Q), Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Đ), Nguyễn Văn TR, Lê Thanh T1, Phan Trung T và Võ Văn M về việc xin hưởng án treo.

Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H) số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trịnh Thanh L (tên gọi khác: Xì T).

Xử phạt bị cáo Trịnh Thanh L (tên gọi khác: Xì T) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Thanh L (tên gọi khác: Xì T) số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Quốc K (tên gọi khác: Q).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K (tên gọi khác: Q) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quốc K (tên gọi khác: Q) số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Đ).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Đ) 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Đ) số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

6. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn TR.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn TR 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn TR số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

7. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thanh T1.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Lê Thanh T1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

8. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Trung T.

Xử phạt bị cáo Phan Trung T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phan Trung T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

9. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Văn M.

Xử phạt bị cáo Võ Văn M 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Võ Văn M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

10. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Mười H), Trịnh Thanh L (tên gọi khác: Xì T), Nguyễn Quốc K (tên gọi khác: Q), Nguyễn Văn H1 (tên

gọi khác: Đ), Nguyễn Văn TR, Lê Thanh T1, Phan Trung T, Võ Văn M mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

11. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

12. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện M (02);
- VKSND huyện M (01);
- CQĐT-Công an huyện M (01);
- CQTHAHS-Công an huyện M (01);
- Chi cục THADS huyện M (01);
- Bị cáo (08);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HS, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Lê Vũ Huy Hoàng